

# THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Tháng 6/2020, giá hạt tiêu ổn định tại Bra-xin, giảm tại Ma-lai-xi-a và Việt Nam, nhưng tăng tại Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a.
- ▶ Giá hạt tiêu tháng 6/2020 giảm trở lại sau khi chạm mức đỉnh 60.000 đồng/kg vào ngày 29/5/2020.
- ▶ Xuất khẩu hạt tiêu tháng 6/2020 tiếp tục giảm mạnh.
- ▶ Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019.

## THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Tháng 6/2020, giá hạt tiêu ổn định tại Bra-xin, giảm tại Ma-lai-xi-a và Việt Nam, nhưng tăng tại Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a. Cụ thể:

+ Tại Bra-xin, giá hạt tiêu đen xuất khẩu Bra-xin ổn định mức 2.000 USD/tấn, thị trường hầu như không có giao dịch.

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 30/6/2020 giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm lần lượt 7,2% và 7,7% so với ngày 30/5/2020, xuống còn 3.420 USD/tấn và 4.870 USD/tấn.

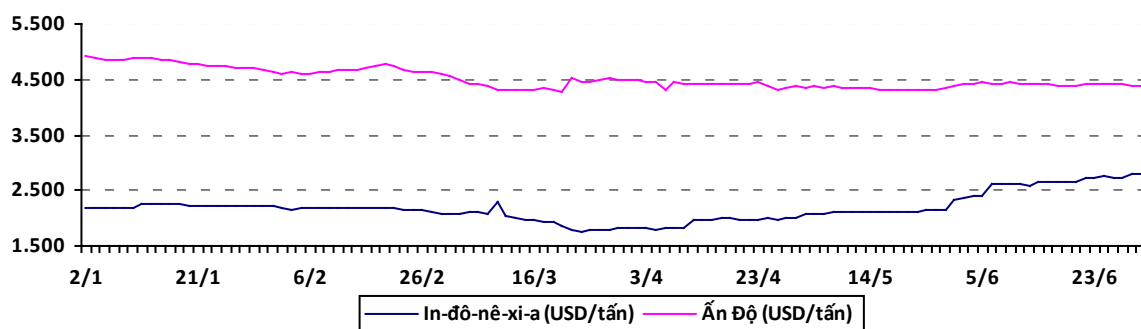
+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng mạnh 31,1%

so với ngày 30/5/2020, lên mức 2.799 USD/tấn. Tại cảng Muntok, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 12% so với ngày 30/5/2020, lên mức 3.892 USD/tấn.

+ Tại cảng Kochi (Ấn Độ), ngày 30/6/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 0,9% so với ngày 30/5/2020, lên mức 4.374 USD/tấn.

Nguồn cung hạt tiêu trên sàn giao dịch Kochi giảm. Trong khi đó, nhu cầu thị trường dần phục hồi sau giai đoạn trì trệ tháng 4 và tháng 5/2020. Do đó, các thương nhân chuyển hướng sang nhập khẩu hạt tiêu từ Xri Lan-ca và Việt Nam.

### Diễn biến giá hạt tiêu đen xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a và Ấn Độ từ đầu năm 2020 đến nay



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm do nhu cầu của các nhà nhập khẩu nước ngoài giảm sau khi đã nhập một số lượng lớn

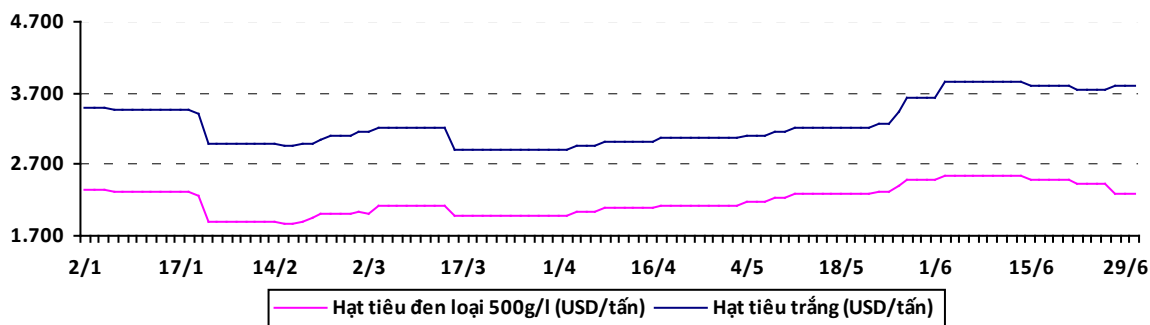
150.000 tấn. Dịch Covid-19 lần 2 ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu của một số thị trường xuất khẩu chính. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc đẩy mạnh lượng hạt tiêu bán ra cũng tác động

đến giá hạt tiêu của Việt Nam giảm. Tuy nhiên, xu hướng giảm chỉ là tạm thời do lượng hạt tiêu của Trung Quốc bán ra không đáng kể.

Ngày 30/6/2020, giá hạt tiêu đen loại

500g/l và 550g/l xuất khẩu giảm lần lượt 4,4% và 3,1% so với ngày 30/5/2020, xuống mức 2.380 USD/tấn và 2.461 USD/tấn. Ngược lại, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 7,1% so với ngày 30/5/2020, lên mức 3.900 USD/tấn.

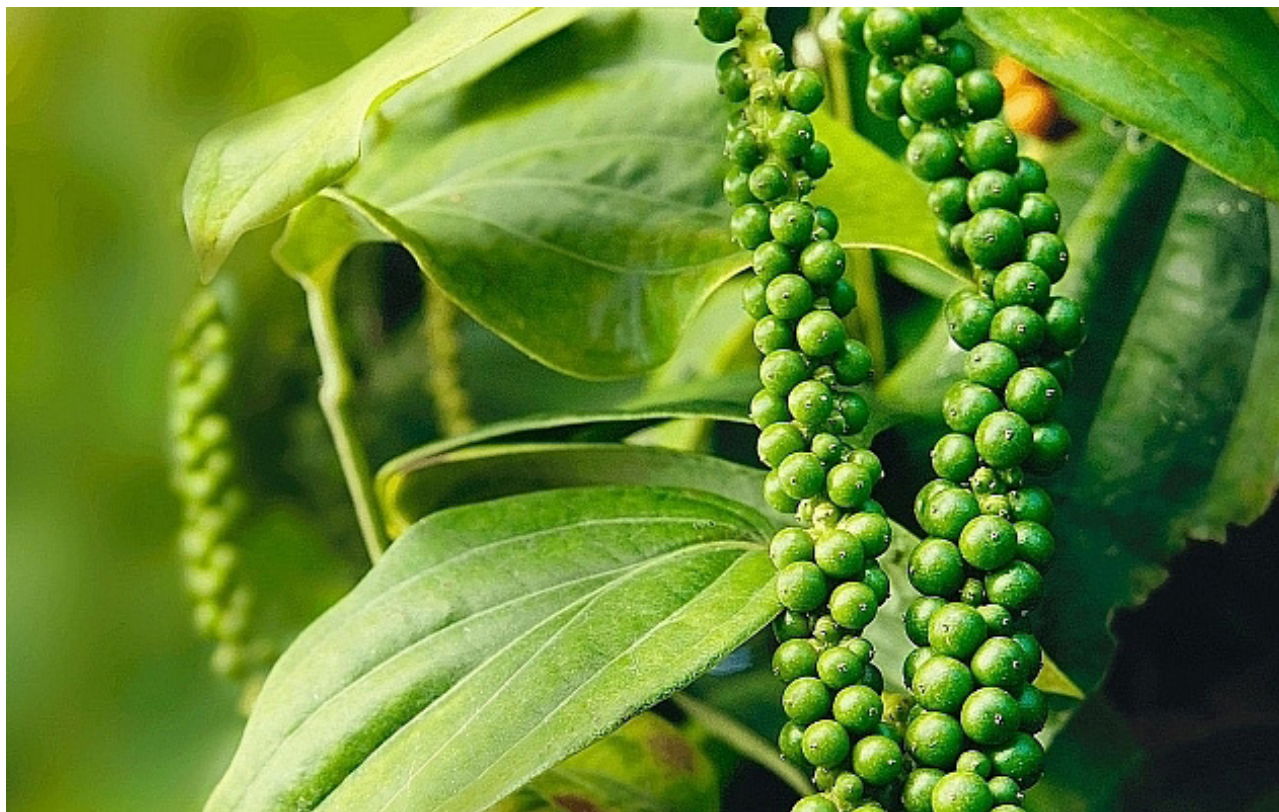
### Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam từ đầu năm 2020 đến nay



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

**Dự báo** thời gian tới, giá hạt tiêu sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu tích trữ lúc giá ở mức thấp. Về dài hạn, giá hạt tiêu toàn cầu sẽ được hỗ trợ khi sản lượng ở hầu hết các nước sản xuất lớn đều giảm mạnh, trong đó có Việt Nam. Theo Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam, sản lượng hạt tiêu

của Việt Nam vụ mùa năm 2020 giảm khoảng 15% so với năm 2019, xuống còn 240.000 tấn. Dự báo vụ mùa năm 2021 sản lượng hạt tiêu sẽ tiếp tục giảm do người dân không đầu tư chăm sóc, ảnh hưởng đến năng suất.



## TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU GIẢM

Giá hạt tiêu tháng 6/2020 giảm trở lại sau khi chạm mức đỉnh 60.000 đồng/kg vào ngày 29/5/2020. Người dân hạn chế bán ra để chờ giá tăng lên, do đó các nhà nhập khẩu đã chuyển hướng sang thị trường Bra-xin với mức giá chào thấp hơn.

Ngày 30/6/2020, giá hạt tiêu đen trong

nước giảm so với ngày 30/5/2020. Mức giảm thấp nhất là 9,6% tại huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai; mức giảm cao nhất là 13% ở tỉnh Đồng Nai, xuống còn 47.000 đ/kg. Giá hạt tiêu trắng giảm 2,9% so với cuối tháng 5/2020, xuống còn 66.000 đ/kg và thấp hơn so với mức 72.000 đ/kg cùng kỳ năm 2019.

### Giá hạt tiêu tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 30/6/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/5/2020 (%)
<b>Đắk Lắk</b>		
Ea H'leo	48.500	-11,0
<b>Gia Lai</b>		
Chư Sê	47.000	-9,6
<b>Đắk Nông</b>		
Gia Nghĩa	48.500	-11,0
Bà Rịa - Vũng Tàu	50.000	-10,7
Bình Phước	48.500	-11,8
Đồng Nai	47.000	-13,0

Nguồn: Tintaynguyen.com

## XUẤT KHẨU HẠT TIÊU THÁNG 6/2020 GIẢM

Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 6/2020 đạt 25 nghìn tấn, trị giá 56 triệu USD, giảm 17,6% về lượng và giảm 8% về trị giá so với tháng 5/2020, so với tháng 6/2019 giảm 18,5% về lượng và giảm 25,5% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đạt 172 nghìn tấn, trị giá 365 triệu USD, giảm 2,9% về lượng và giảm 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu trong tháng 6/2020 đạt 2.240 USD/tấn, tăng 11,6% so với tháng 5/2020, nhưng giảm 8,6% so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.127 USD/tấn, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải

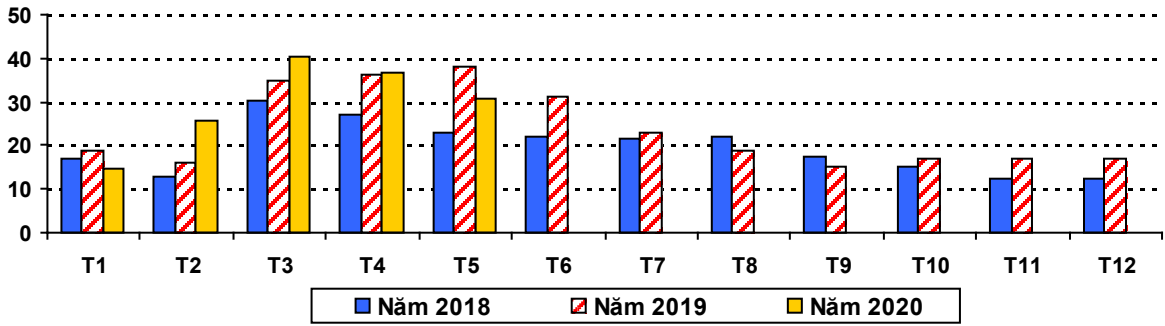
quan, tháng 5/2020 xuất khẩu hạt tiêu đạt 30,6 nghìn tấn, trị giá 60,9 triệu USD, cùng giảm 16,1% về lượng và trị giá so với tháng 4/2020, so với tháng 5/2019 giảm 19,9% về lượng và giảm 34,7% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đạt 146,8 nghìn tấn, trị giá 309,33 triệu USD, tăng 0,4% về lượng, nhưng giảm 17,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.





## Lượng xuất khẩu hạt tiêu qua các tháng năm 2018-2020

(Đvt: nghìn tấn)

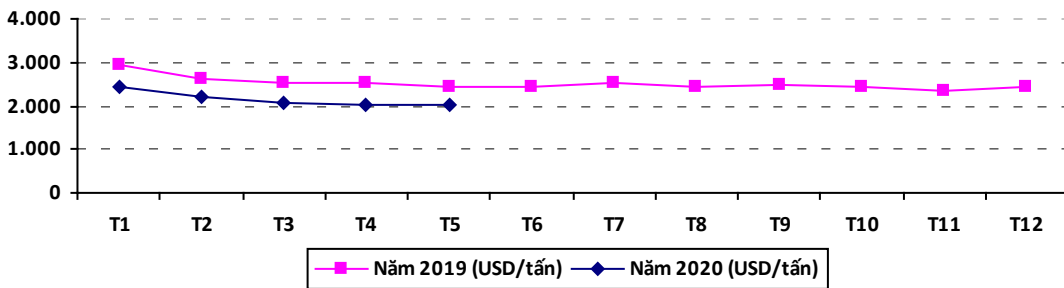


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.007 USD/tấn, ổn định so với tháng 4/2020, nhưng giảm 18,4% so với tháng 5/2019. Tính chung 5 tháng đầu năm

2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.108 USD/tấn, giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2019.

### Giá xuất khẩu trung bình mặt hàng hạt tiêu năm 2019 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang nhiều thị trường giảm so với tháng 4/2020 và so với tháng 5/2019, bao gồm: Hà Lan, Bỉ, Đức, Ca-na-đa, Ý. Ngược lại, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang một số thị trường tăng so với tháng 4/2020, gồm: Thái Lan, Úc, Hoa Kỳ.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang tất cả các thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2019, bao gồm: Hà Lan giảm 12,5%, xuống mức 3.072 USD/tấn; Bỉ giảm 16,1%, xuống mức 3.170 USD/tấn; Thái Lan giảm 11,2%, xuống mức 2.702 USD/tấn; Hoa Kỳ giảm 10,8%, xuống mức 2.492 USD/tấn.





### Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang 10 thị trường đạt mức cao tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Giá XKBQ tháng 5/2020 (USD/tấn)	So với tháng 4/2020 (%)	So với tháng 5/2019 (%)	Giá XKBQ 5 tháng 2020 (USD/tấn)	So với 5 tháng năm 2019 (%)
Hà Lan	3.024	-1,2	-10,3	3.072	-12,5
Bỉ	2.948	-3,6	-20,0	3.170	-16,1
Thái Lan	2.946	2,6	7,3	2.702	-11,2
Anh	2.831	0,6	-8,5	2.917	-13,6
Úc	2.689	7,0	-3,4	2.873	-16,6
Ca-na-đa	2.564	-2,8	-13,3	2.654	-10,7
Đức	2.532	-4,5	-7,7	2.616	-11,7
Hoa Kỳ	2.464	2,4	-6,6	2.492	-10,8
Ý	2.441	-4,4	-19,7	2.411	-19,5
Côoét	2.423	14,3	0,9	2.178	-16,6

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Tháng 5/2020, xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các thị trường chính giảm so với tháng 5/2019, bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Ấn Độ, Ai Cập, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Hà Lan, Nga, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin; ngược lại xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Anh tăng tới 54,4% về lượng và tăng 41,3% về trị giá.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu

hạt tiêu sang một số thị trường trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm 2019, gồm: Hoa Kỳ tăng 3,7%, đạt 24,7 nghìn tấn; Đức tăng 1,5%, đạt 5,8 nghìn tấn; Ai Cập tăng 42,5%, đạt trên 6 nghìn tấn; Nga tăng 34,2%, đạt 2,9 nghìn tấn; Anh tăng 26,8%, đạt 2,5 nghìn tấn. Ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường giảm, như: Ấn Độ, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Hà Lan, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin.

### 10 thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hoa Kỳ	4.932	12.151	-4,2	-10,5	24.694	61.540	3,7	-7,5
Đức	1.717	4.348	-18,5	-24,8	5.803	15.180	1,5	-10,4
Ấn Độ	1.480	3.132	-34,0	-42,5	7.380	15.879	-39,6	-47,5

Thị trường	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Ai Cập	1.103	1.975	-23,1	-33,0	6.020	10.980	42,5	21,6
Các Tiểu vương Quốc Ả rập Thống nhất	1.022	2.069	-11,7	-18,7	5.398	11.166	-11,2	-21,9
Hà Lan	786	2.377	-33,8	-40,6	3.392	10.419	-14,0	-24,8
Nga	736	1.483	-11,3	-20,2	2.877	5.775	34,2	20,5
Pa-kít-xtan	727	1.458	-43,9	-50,4	6.200	12.563	-10,3	-25,3
Anh	610	1.727	54,4	41,3	2.471	7.207	26,8	9,6
Phi-líp-pin	512	1.010	-3,8	-4,4	2.427	4.654	-2,1	-14,2

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Tháng 5/2020, xuất khẩu hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng và hạt tiêu trắng xay giảm so với tháng 5/2019, trong khi xuất khẩu hạt tiêu đen xay tăng mạnh. Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xay giảm so với cùng kỳ năm 2019, nhưng xuất khẩu hạt tiêu đen xay và hạt tiêu trắng tăng. Cụ thể:

Xuất khẩu hạt tiêu đen tháng 5/2020 đạt 24,1 nghìn tấn, trị giá 43,83 triệu USD, giảm 23% về lượng và giảm 39,8% về trị giá

so với tháng 5/2019. Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đen đạt 118,6 nghìn tấn, trị giá 228,29 triệu USD, giảm 0,7% về lượng và giảm 20,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hạt tiêu đen sang các thị trường giảm, gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Pa-kít-xtan, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Đức, Hàn Quốc. Ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu sang một số thị trường tăng, gồm: Hoa Kỳ, Ai Cập, Mi-an-ma, Nê-pan, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ.

### Chủng loại hạt tiêu xuất khẩu tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hạt tiêu đen	24.123	43.827	-23,0	-39,8	118.632	228.291	-0,7	-20,5
Hạt tiêu đen xay	2.766	7.770	49,3	40,6	11.412	32.726	14,0	3,1
Hạt tiêu trắng	2.177	6.245	-27,1	-36,7	11.161	32.836	1,6	-12,8
Hạt tiêu trắng xay	298	1.131	-53,2	-53,5	1.778	6.534	-38,1	-44,6

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU HOA KỲ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nhập khẩu hạt tiêu của nước này trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 25.656 tấn, trị giá 73,91 triệu USD,

giảm 10,6% về lượng và giảm 19,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của

Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt mức 2.881 USD/tấn, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hoa Kỳ từ một số nguồn cung đạt mức cao như: Xri Lan-ca đạt 7.709 USD/tấn; Nam Phi đạt 7.603 USD/tấn; Trung Quốc đạt 5.735 USD/tấn. Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hoa Kỳ từ Việt Nam đạt 2.772 USD/tấn, giảm 10,3%.

4 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu hạt tiêu từ các nguồn cung chính gồm: Việt Nam, Bra-xin, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Ê-cu-a-đo, Trung Quốc. Ngược lại, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt tiêu từ Tây Ban Nha, Xri Lan-ca, Mê-hi-cô. Cụ thể như sau:

Việt Nam là nguồn cung hạt tiêu lớn nhất cho Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 16,97 nghìn tấn, trị giá 47,04 triệu USD, giảm 1,5% về lượng và giảm 11,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng

nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 66,1% trong 4 tháng đầu năm 2020, cao hơn so với 60,1% trong 4 tháng đầu năm 2019.

Bra-xin là nguồn cung hạt tiêu lớn thứ 2 cho Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 4,6 nghìn tấn, trị giá 10,47 triệu USD, giảm 11,2% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 17,9% trong 4 tháng đầu năm 2020, thấp hơn so với 18% trong 4 tháng đầu năm 2019.

In-đô-nê-xi-a là nguồn cung hạt tiêu lớn thứ 3 cho Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 1,68 nghìn tấn, trị giá 5,83 triệu USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 19,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của In-đô-nê-xi-a trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 6,6% trong 4 tháng đầu năm 2020, thấp hơn so với 6,9% trong 4 tháng đầu năm 2019.

### 10 nguồn cung hạt tiêu lớn nhất vào Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020

Thị trường	4 tháng năm 2020			So với 4 tháng năm 2019 (%)			Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ	4 tháng năm 2020	4 tháng năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>25.656</b>	<b>73.907</b>	<b>2.881</b>	<b>-10,6</b>	<b>-19,8</b>	<b>-10,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Việt Nam	16.970	47.039	2.772	-1,5	-11,7	-10,3	66,1	60,1
Bra-xin	4.589	10.472	2.282	-11,2	-9,9	1,5	17,9	18,0
In-đô-nê-xi-a	1.684	5.833	3.464	-14,9	-19,5	-5,4	6,6	6,9
Ấn Độ	1.542	5.764	3.739	-30,7	-43,1	-17,9	6,0	7,8
Ê-cu-a-đo	197	564	2.871	-56,0	-55,2	1,6	0,8	1,6
Tây Ban Nha	137	445	3.258	179,2	54,0	-44,8	0,5	0,2
Trung Quốc	128	735	5.735	-66,1	-63,2	8,6	0,5	1,3
Nam Phi	123	932	7.603	-34,8	-25,4	14,5	0,5	0,7
Xri Lan-ca	92	712	7.709	7,6	-5,1	-11,9	0,4	0,3
Mê-hi-cô	52	218	4.194	75,7	90,4	8,4	0,2	0,1
Thị trường khác	143	1.193	8.323	-84,3	-71,8	79,6	0,6	3,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

(\* Ghi chú: Hạt tiêu có mã HS: 090411; 090412